

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÂM
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày 23 - 6 - 2022

*"V/v: Tranh chấp kiện đòi
tiền theo hợp đồng gia công"*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HUNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Thủy.

2. Bà Trần Thị Hoàng Yên.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên: Bà Phạm Thị Phượng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp kiện đòi tiền theo hợp đồng gia công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1961, có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1969, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1979, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Vào khoảng tháng 7 năm 2020, ông Nguyễn Mạnh T có tình cờ đi qua nhà ông tại thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, nên biết ông có máy móc làm nhôm kính và đặt vấn đề làm gia công cửa nhôm kính cho ông T, giữa ông và ông T có thỏa thuận trao đổi miệng và ông nhất trí làm gia công nhôm kính cho ông T, công trình do ông T nhận và bảo ông làm gia công theo các công trình này, công trình làm liên quan trong vụ án mà ông khởi kiện là làm tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Việc thanh toán tiền công giữa hai bên do bà Ngô Thị Th là vợ ông T thanh toán với ông. Quá trình thanh toán có tạm ứng và ghi vào sổ theo dõi do bà Ngô Thị Th quản lý, hai bên chưa chốt khối lượng công việc, nhưng ông có kê khai khối lượng và đưa cho bà Th giấy tờ về việc ông xác định khối lượng công việc.

Ông xác định quá trình làm công trình Ủy ban nhân dân xã V thì ông có hai lần nhận tiền tạm ứng, đến lần thứ ba ông đến yêu cầu tạm ứng thì vợ chồng ông T nói là đã tạm ứng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và ông đã ký nhận, tuy nhiên khi ông xem sổ thanh toán thì thấy ngày 04/9 ông không nhận tạm ứng số tiền này, chữ ký phía dưới không phải của ông, ông không làm đề can nhưng lại có ghi dán đề can là không đúng. Ông đã kiểm tra, xác nhận lại khối lượng và xác định vợ chồng ông T còn nợ ông số tiền là 25.942.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng), ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T phải trả ông số tiền này, ông không yêu cầu lãi suất.

Lời khai của bị đơn ông Nguyễn Mạnh T trong quá trình chuẩn bị xét xử trình bày: Ông có thỏa thuận miệng về việc ông Phạm Văn Đ làm gia công cửa nhôm kính cho vợ chồng ông, bà Ngô Thị Th là vợ ông là người giao dịch, nhận bàn giao khối lượng và thanh toán cho ông Đ, giá cả và mọi giao dịch do vợ ông trao đổi với ông Đ, giấy tờ thanh toán cho ông Đ do vợ ông giữ, ông xác định ngày 04/9/2020 đã tạm ứng cho ông Đ số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) là đúng, ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, nếu ông Đ không thừa nhận chữ ký thì đi giám định, bên nào sai phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Th trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa trình bày: Bà là vợ ông

Nguyễn Mạnh T, chồng bà có trao đổi miệng với ông Phạm Văn Đ về việc ông Đ làm gia công nhôm kính cho vợ chồng bà, bà là người thanh toán, việc tạm ứng, thanh toán được ghi vào sổ theo dõi thanh toán của gia đình bà, ông Đ trực tiếp ký và nhận tiền. Từ tháng 7 năm 2020 bà đã ba lần tạm ứng tiền cho ông Đ, hai bên mới tạm ứng, nên chưa chốt số tiền công là bao nhiêu. Vào ngày 04/9/2020 ông Đ đã nhận tạm ứng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và ký xác nhận phía dưới là đúng, việc ông Đ không thừa nhận chữ ký này là không đúng, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ. Tại phiên tòa ông Đ cũng xác nhận là hai bên chưa chốt khối lượng công việc, nên chưa thanh toán mà các lần ông Đ lấy tiền đều là tạm ứng, bà Th yêu cầu ông Đ phải trả lại bà số tiền đã tạm ứng thừa là 4.058.000 đồng. Bà Th xuất trình tài liệu của ông Đ ghi khối lượng công việc đã đưa cho bà.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông Phạm Văn Đ có đơn yêu cầu giám định, Tòa án đã quyết định trưng cầu giám định tài liệu có mẫu chữ ký, ghi họ tên ông Phạm Văn Đ do bà Ngô Thị Th quản lý với mẫu chữ ký, ghi họ tên của ông Phạm Văn Đ do Tòa án lấy mẫu của ông Đ. Tại Kết luận giám định số 79/KL-KTHS, ngày 25/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: *“Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Văn Đ bằng bút mực màu xanh phía dưới cùng trang tài liệu trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết của Phạm Văn Đ trên mẫu so sánh là của cùng một người ký và viết ra”*.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau, nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đã chấp hành quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Khoản 1 Điều 161, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 116 Khoản 1 Điều 119, Điều 542, Điều 552 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ yêu cầu ông Nguyễn Mạnh Tiến và bà Ngô Thị Th trả số tiền là 25.942.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Về án phí, chi phí tố tụng: Buộc đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông Phạm Văn Đ khởi kiện ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị Th về tranh chấp kiện đòi tiền theo hợp đồng gia công. Đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Mạnh T vắng mặt, nhưng ông có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét về thỏa thuận gia công: Theo quy định thì giao dịch gia công làm cửa nhôm kính giữa ông Phạm Văn Đ với ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị Th không bắt buộc phải thỏa thuận bằng văn bản, hai bên đều thừa nhận thỏa thuận miệng, Hội đồng xét xử xác định các bên có thỏa thuận hợp đồng gia công là sự thật.

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Ông Phạm Văn Đ yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T phải thanh toán trả ông số tiền là 25.942.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền làm gia công cửa nhôm kính.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện, quá trình làm gia công nhôm kính công trình Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên thì vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T đã ứng tiền công cho ông Phạm Văn Đ, việc ứng tiền công được bà Ngô Thị Th ghi vào sổ theo dõi, tại sổ này thể hiện ba lần ứng tiền công cho ông Đ, cụ thể, ngày 20/7/2020 ứng số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), ngày 01/8/2020 ứng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), ngày 04/9/2020 ứng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), các lần ứng tiền đều có chữ ký, ghi họ tên Phạm Văn Đ phía dưới. Ông Phạm Văn Đ xác định ngày 04/9/2020 ứng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) chữ ký không phải của ông, sau khi đối trừ các lần tiền tạm ứng thì vợ chồng ông T còn nợ tiền như ông yêu cầu trên; tuy nhiên vợ chồng ông T bà Th đều xác định đã ba lần ứng tiền công, trong đó có ngày 04/9/2020 đã ứng tiền và ông Đ ký nhận

là đúng, việc ông Đ cho rằng không làm đề can nhưng phía trên lại ghi dán của đề can là không đúng, tuy nhiên bà Th xác định việc ghi này là tiện để theo dõi quản lý công việc của gia đình bà, không liên quan đến ông Đ; ông Đ không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Ông Đ và bà Th đều thừa nhận hai bên chưa chốt khối lượng công việc, nên chưa thanh toán mà tất cả các lần đều ghi tạm ứng, việc này phù hợp với sổ theo dõi của gia đình bà Th đều ghi tạm ứng, phù hợp với tài liệu bà Th xuất trình tại phiên tòa vì ông Đ thừa nhận đây là chữ viết của ông kê khai đưa cho bà Th để thanh toán, tài liệu này cũng thể hiện số tiền mà ông Đ ghi phù hợp với số tiền ông khởi kiện yêu cầu thanh toán.

Tại Kết luận giám định số 79/KL-KTHS, ngày 25/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: *“Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Văn Đ bằng bút mực màu xanh phía dưới cùng trang tài liệu trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết của Phạm Văn Đ trên mẫu so sánh là của cùng một người ký và viết ra”*.

Như vậy chữ ký và ghi họ tên của ông Phạm Văn Đ về số tiền tạm ứng ngày 04/9/2020 với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đã được kết luận giám định xác định đúng là chữ ký, họ tên của ông đã ký nhận, do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ.

Về việc bà Ngô Thị Th yêu cầu ông Đ trả lại bà số tiền tạm ứng còn thừa là 4.058.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng): Theo quy định của pháp luật bà Th có quyền yêu cầu nhưng phải trước thời điểm Tòa án mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do tại phiên tòa bà Th mới có yêu cầu này, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, bà có quyền yêu cầu khởi kiện ở vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí, chi phí tố tụng*: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với số tiền chi phí giám định là 2.430.000 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) theo phiếu thu của cơ quan giám định, do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông Đ là không có căn cứ, nên theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đ có nghĩa vụ chịu số tiền này; số tiền chi phí giám định còn thừa là 1.570.000 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) trả lại cho ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Khoản 1 Điều 161, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 116 Khoản 1 Điều 119, Điều 542, Điều 552 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ yêu cầu ông Nguyễn Mạnh T và bà Ngô Thị Th trả số tiền là 25.942.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Về án phí, chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Văn Đ phải chịu 1.297.000 đồng (một triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai số 11575 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, ông Đ còn phải nộp 647.000 đồng (sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự.

Ông Phạm Văn Đ phải chịu tiền chi phí giám định là 2.430.000 đồng (hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 4000.000 đồng (bốn triệu đồng), trả lại ông Phạm Văn Đ 1.570.000 đồng (một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Mười